**BÀI TẬP CUỐI HÓA MODUN 3**

**I. BẢNG KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

**BÀI ANCOL & TRẢI NGHIỆM LÀM NƯỚC TRÁI CÂY LÊN MEN-HÓA HỌC 11**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** | | | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ** | |
| **Phương pháp** | **Công cụ** |
| **Khởi động** | | | - **Xem** hình ảnh và nghe thuyết minh từ giáo viên về hàng nông sản Việt nam. **Đề xuất** ý tưởng giải pháp nâng cao giá trị hàng nông sản Việt nam. Thuyết trình bảo về ý tưởng. | **Viết/hỏi đáp** | **Câu hỏi tự luận**  **(Phiếu HT số 1)** |
| **Hình thành kiến thức mới** | **HĐ1**  **(Định nghĩa, phân loại ancol)** | | **- Nêu được** định nghĩa và các cách phân loại ancol.  - **Chỉ ra được** chất nào là ancol, chất nào không phải ancol, chất nào là ancol no, không no, đơn chức, đa chức với những công thức cho trước.  - **Viết được** công thức tổng quát của ancol no đơn chức mạch hở. | **Viết/Hỏi đáp.** | **Câu hỏi tự luận**  **(Kèm bộ thẻ CTCT các ancol); Câu hỏi trắc nghiệm (đề 01)** |
| **HĐ2**  **(Đồng phân, danh pháp)** | | **-Viết được** đồng phân cấu tạo của ancol có từ 4 nguyên tử C trở xuống và **gọi được** tên (danh pháp gốc − chức và thay thế). | **Viết/Hỏi đáp.** | **Câu hỏi tự luận** |
| **HĐ3**  **(Tính chất vật lí của ancol)** | | **- Trình bày** được đặc điểm về tính chất vật lí của ancol (trạng thái, xu hướng của nhiệt độ sôi, độ tan trong nước), **giải thích** được ảnh hưởng của liên kết hidro đến nhiệt độ sôi và khả năng hoà tan trong nước của các ancol. | **Hỏi đáp** | **Câu hỏi tự luận** |
| **HĐ4**  **(Tính chất hóa học của ancol)** | | **- Trình bày** được tính chất hoá học của ancol: Phản ứng thế nguyên tử H của nhóm –OH (phản ứng chung của R–OH, phản ứng riêng của ancol đa chức); Phản ứng tạo thành anken; Phản ứng oxi hoá alcohol bậc I, bậc II thành andehit, xeton bằng CuO; Phản ứng đốt cháy.  -**Viết được** các phương trình phản ứng minh họa.  **- Mô tả** các hiện tượng thí nghiệm và **giải thích** được tính chất hoá học của ancol.  **- Thực hiện** được các thí nghiệm etanol tác dụng với Na, glixerol tác dụng với Cu(OH)2; | **Quan sát+ Viết/Hỏi đáp** | **-Bảng kiểm**  **-Câu hỏi tự luận.**  **-Bài tập tình huống.** |
| **HĐ5**  **(Điều chế-ứng dụng ancol)** | | **-Trình bày** được phương pháp điều chế ancol bằng phương pháp hidrat hóa anken, lên men tinh bột, đường.  **-Nêu được** một số ứng dụng của ancol.  **-Trình bày** được tác hại của việc lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn; Nêu được thái độ, cách ứng xử của cá nhân với việc bảo vệ sức khoẻ bản thân, gia đình và cộng đồng. |  |  |
| **Luyện tập** | |  | -**Trình bày được** lí thuyết ancol, phenol.  -Viết các phương trình phản ứng minh họa.  -**Vận dụng** dụng tính toán tìm công thức phân tử ancol, tính số mol, khối lượng chất phản ứng (ancol, phenol, Na, NaOH) và thể tích H2. | **Viết/hỏi đáp** | **Câu hỏi tự luận** |
| **Vận dụng sáng tạo** | |  | -**Trình bày** được qui trình tạo sản phẩm nước trái cây lên men (loại trái cây tự chọn).  - **Thực hiện đượ**c qui trình tạo sản phẩm nước trái cây lên men.  - **Trình bày** được Poster cấu trúc khoa học (vẽ hoặc in)  - **Viết được** báo cáo khoa học đơn giản.  - **Thuyết trình** được nội dung đề tài nghiên cứu. | **Quan sát** | **Rubric** |

**II. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ**

### **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hình ảnh Sáng Tạo Biểu Tượng Tâm Trí Cho Dự án, Trí Tuệ Sáng Tạo, Não, Sáng  Tạo Vector và PNG với nền trong suốt để tải xuống miễn phí | **PHIẾU HỌC TẬP HOẠT ĐỘNG 1**  **NGHIÊN CỨU TÌM HƯỚNG ĐI CHO TRÁI CÂY VIỆT NAM**  **(7 phút)** | Management plan icon simple style Royalty Free Vector Image |

**1. Mục tiêu:**

Tìm ra được các giải pháp nhằm **nâng cao giá trị** cho **trái cây** Việt nam giúp nông dân làm giàu trên chính quê hương của mình.

**2. Giải pháp có thể giúp người nông dân nâng cao giá trị nông sản.**

*Hãy đưa ra ít nhất 4 giải pháp khác nhau mà theo nhóm em là cần thiết và cấp bách nhất (nêu ngắn gọn giải pháp, có thể xem các câu hỏi định hướng ở mục 4 trang sau để tìm được các giải pháp tốt nhất).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Giải pháp 1** | **Giải pháp 2** |
| **Giải pháp 3** | **Giải pháp 4** |

**3. Giải pháp được lựa chọn và chia sẻ.**

*Từ 4 giải pháp trên, hãy lựa chọn một giải pháp mà em mong muốn thực hiện nhất. Và hãy cho biết:*

* Vì sao em chọn giải pháp đó?

…………………………………………………………………………………..

* Giải pháp đó giúp gia tăng giá trị nông sản như thế nào (hay vì sao làm gia tăng giá trị nông sản)?

…………………………………………………………………………………..

* Em cần trang bị kiến thức, kĩ năng hay học ngành/nghề/trường nào hoặc cần những điều kiện nào để thực hiện giải pháp này:

…………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………..

* **Lưu ý**: *Trả lời tường minh yêu cầu số 2 và số 3 em đã là những* ***chuyên gia*** *của các giải pháp đó, hãy chuẩn bị và* ***chia sẻ*** *lại những* ***giải pháp*** *đó cho cả lớp ở hoạt động tiếp theo.*

**4.** **Câu hỏi định hướng.**

*(Trả lời ngắn gọn các câu hỏi định hướng sau giúp em tìm ra các giải pháp cho yêu cầu trên)*

1. Vấn đề của bạn cần giải quyết là gì?

…………………………………………………………………………………..

1. Nông sản/trái cây của gia đình hoặc của người dân địa phương em được thu mua như thế nào? (bán cho thương lái, bán ngoài chợ hay bán cho công ty)

…………………………………………………………………………………..

1. Người mua có kí hợp đồng bao tiêu sản phẩm và cam kết về giá với người nông dân khi gieo trồng không?

…………………………………………………………………………………..

1. Theo em, hiện nay người nông dân sản xuất vật nuôi, cây trồng có theo qui hoạch về diện tích/sản lượng của các cơ quan chức năng hay theo phong trào/trào lưu?

…………………………………………………………………………………..

1. Nếu lấy thang điểm 10 để đánh giá về **ứng dụng khoa học kĩ thuật** trong nông nghiệp thì nông dân ở địa phương em đạt mức nào?

…………………………………………………………………………………..

1. Phần lớn trái cây ở địa phương em có vào được các hệ thống siêu thị hoặc xuất khẩu đi các thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật hay không? Tại sao?

…………………………………………………………………………………..

1. Các giống cây trồng mới cho năng suất cao, chất lượng tốt là giống được nghiên cứu, lai tạo tại địa phương hay giống nhập khẩu? ví dụ.

…………………………………………………………………………………..

1. Các cách chế biến và bảo quản nông sản (như cà phê, tiêu, trái cây như bơ, mít, sầu riêng, …) ở địa phương em có làm giảm đáng kể chất lượng sản phẩm không? Theo em thì có cần cải tiến không?

…………………………………………………………………………………..

1. Hãy kể tên một số loại nông sản và sản phẩm ứng dụng (như bánh kẹo, thức uống,…) tương ứng.

ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Nông sản | Sản phẩm ứng dụng |
| Cà phê | Cà phê uống phin |
|  |
|  |
|  |
| ………….. |
| ……………… |  |
|  |
|  |

### **THẺ DÙNG CHO HOẠT ĐỘNG “ĐỊNH NGHĨA, PHÂN LOẠI”.**

(In ra và mỗi công thức cắt thành một thẻ, tùy thuộc năng lực từng lớp mà có thể sử dụng số lượng thẻ khác nhau).

CH3-OH

CH3-CH2-OH

CH3-CH2- CH2-OH

CH3-CH- CH3

OH

CH3-CH2- CH2- CH2-OH

CH3-CH2- CH- CH3

OH

CH3 CH3

CH3- C- CH3  CH3-CH-CH2

OH OH

CH2=CH-CH2-OH

CH3-CH=CH- CH2-OH

CH2- CH- CH2

OH OH OH

CH2- CH2

OH OH

CH2-OH OH

CH3-CH=O

OH

O

CH3-C

OH

### **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

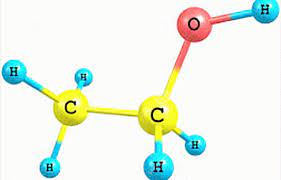
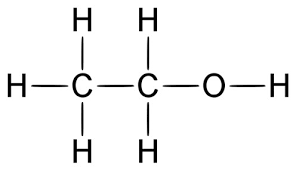
**THÍ NGHIỆM NGHIÊN CỨU TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA ANCOL**

Tên nhóm: …………..; Nhóm trưởng: ………………..……; Kỹ thuật viên: …………

1. **VẤN ĐỀ CẦN NGHIÊN CỨU.**

Trong phân tử ancol etylic C2H5-OH, có một **nguyên tử H** không liên kết với nguyên tử C như thông thường mà **liên kết với nguyên tử O**. Do nguyên tử O có độ âm điện lớp hơn nhiều so với nguyên tử H nên liên kết này bị phân cực mạnh về phía O, làm cho nguyên tử H này trở nên linh động, **dễ bị thay thế.** Hãy khảo sát các thí nghiệm sau và trả lời các câu hỏi để kiểm chứng điều này.

**Nguyên tử H linh động**



*CTCT ancol etylic* *Mô hình phân tử ancol etylic*

1. **THÍ NGHIỆM NGHIÊN CỨU.**
2. **Thí nghiệm 1:** Ancol etylic tác dụng với Na
3. **Thí nghiệm**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Các bước tiến hành thí nghiệm**  *(Làm cẩn thận, đúng hướng dẫn, quan sát kĩ, an toàn là trên hết)* | **Hiện tượng và giải thích.**  *(Nêu rõ hiện tượng và thảo luận nhóm để giải thích bằng phương trình phản ứng)* |
| - **Bước 1:** Kiểm tra các dụng cụ và hóa chất đang có.  **- Bước 2:** Nhỏ từ 5-7 giọt ancol etylic vào ống nghiệm khô  **- Bước 3:** Dùng kẹp nhỏ lấy mẫu Na ra khỏi lọ, cắt mẩu nhỏ bằng hạt đậu xanh, dùng giấy thấm để thấm hết dầu bên ngoài rồi bỏ vào ống nghiệm chứa ancol etylic ở trên. |  |

1. **Câu hỏi**

**Câu 1:** Thí nghiệm trên để nghiên cứu vấn đề gì?

………………………………………………………………………………………

**Câu 2:** Trong phản ứng giữa ancol etylic và Na, nguyên tử H nào bị thay thế? Tại sao?

………………………………………………………………………………………

**Câu 3:** Nếu thay ancol etylic bằng các ancol khác như ancol metylic CH3OH, glixerol C3H5(OH)3 thì phản ứng có xảy ra tương tự không? Tại sao?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

1. **Thí nghiệm 2: Ancol tác dụng với Cu(OH)2.**
2. **Thí nghiệm**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Các bước tiến hành thí nghiệm**  *(Làm cẩn thận, đúng hướng dẫn, quan sát kĩ, an toàn là trên hết)* | **Hiện tượng và giải thích.**  *(Nêu rõ hiện tượng và thảo luận nhóm để giải thích bằng phương trình phản ứng)* |
| - **Bước 1:** **Kiểm tra** các dụng cụ và hóa chất đang có.  - **Bước 2:** **Điều chế Cu(OH)2**  + Lấy 2 ống nghiệm khô  + Nhỏ vào hai ống nghiệm, mỗi ống từ 2-3 giọt dung dịch CuSO4 loãng.  + Nhỏ tiếp vào hai ống nghiệm trên, mỗi ống từ 3-5 giọt dung dịch NaOH loãng.  - **Bước 3**: **Cho glixerol C3H5(OH)3 và ancol etylic C2H5OH tác dụng với Cu(OH)2**  + Nhỏ vào ống thứ nhất 1-2 giọt glixerol C3H5(OH)3;  + Nhỏ vào ống thứ 2 từ 2-3 giọt ancol etylic C2H5OH |  |

1. **Câu hỏi**

**Câu 1:** Trong thí nghiệm trên, các thao tác ở bước 2 để điều chế chất nào?

…………………………………………………………………………………

**Câu 2**: Ở bước 3, ống nghiệm nào sảy ra phản ứng?

…………………………………………………………………………………

**Câu 3**:Thí nghiệm này có thể dùng để phân biệt glixerol C3H5(OH)3 với ancol etylic không? Tại sao?

…………………………………………………………………………………

**Câu 4**: Từ kết quả thí nghiệm này có thể kết luận điều gì?

…………………………………………………………………………………

*Lưu ý: Sau khi làm xong, các nhóm thảo luận nội bộ, đặt câu hỏi để báo trước lớp.*

### **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG LÀM THÍ NGHIỆM.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **KĨ NĂNG** | | **ĐẠT** | **KHÔNG ĐẠT** |
| 1 | Lựa chọn dụng cụ hóa chất phù hợp với mục đích thí nghiệm. | |  |  |
| 2 | Thực hiện các thao tác thí nghiệm cơ bản | Cầm, kẹp ống nghiệm |  |  |
| Lấy và cho hóa chất vào ống nghiệm |  |  |
| Lắc ống nghiệm, |  |  |
| Thao tác quan sát |  |  |
| 3 | Biết ghi chép hiện tượng và các vấn đề xảy ra khi làm thí nghiệm | |  |  |
| 4 | Xử lí dụng cụ hóa chất sau ths nghiệm | Cách đậy, sắp xếp và bảo quả hóa chất |  |  |
| Cách rửa ống nghiệm. |  |  |

### **BÀI TẬP NHẬN THỨC.**

Hãy viết một đoạn văn ngắn trong đó trình bày được các tác hại của việc làm dụng rượu bia và các đồ uống có cồn. Là người có nhận thức và có trách nhiệm với bản thân, gia đình sự tiến bộ của xã hội, em sẽ làm gì trước hiện tượng “nhậu” tràn lan hiện nay?

### **BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM**

1. **Tiêu chí đánh giá.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Hợp tác** | **Từ chối** nhận nhiệm vụ, phối hợp, hỗ trợ | **Miễn cưỡng** khi nhận nhiệm vụ, thảo luận, xây dựng kế hoạch. | Không xung phong nhưng **vui vẻ** nhận nhiệm vụ, thảo luận, lập kế hoạch | **Chủ động** xung phong nhận nhiệm vụ trong các hoạt động |
| **Đóng góp ý kiến** | Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  Và: - Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm | Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Hoặc: - Chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các bạn khác trong nhóm | Tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. Nhưng: - Đôi lúc chưa biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các bạn trong nhóm. | Hăng hái bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  Và: - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm |
| **Đóng góp khi thực hiện dự án** | Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, không hỗ trợ những bạn khác. Sản phẩm không đạt yêu cầu | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa hỗ trợ các bạn khác. Có sản phẩm tương đối tốt theo yêu cầu đề ra nhưng chưa đảm bảo thời gian | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, chưa chủ động hỗ trợ các bạn khác. Có sản phẩm tốt nhưng chưa đảm bảo thời gian | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, chủ động hỗ trợ các bạn khác trong nhóm. Có sản phẩm tốt theo yêu cầu đề ra và đảm bảo đúng thời gian. |

1. **Bảng đánh giá các thành viên trong nội bộ nhóm**

*Các em đánh giá mức độ đạt được của các tiêu chí trong bảng trên bằng cách đánh dấu X vào ô mức độ đạt được của từng thành viên trong nhóm nhé.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NHÓM: LỚP** | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **TÊN THÀNH VIÊN** | **Hợp tác** | | | | **Đóng góp ý kiến** | | | | **Đóng góp trong khi thực hiện dự án** | | | |
| **Phối hợp, hỗ trợ, trách nhiệm, …** | | | | **Trả lời câu hỏi, đóng góp ý kiến, …** | | | | **Có đóng góp công sức trong quá trình làm** | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **1** | **2** | **3** | **4** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### **TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO**

**(Dùng cho học sinh)**

***Tại các trạm, sau khi nghe “chủ nhà” báo cáo, các em (khách) hãy đánh giá các tiêu chí HỒ SƠ; SẢN PHẨM THỰC NGHIỆM; THUYẾT TRÌNH tương ứng với mức độ đạt được bằng cách THẢ TIM; MẶT CƯỜI hoặc MẶT MÉO vào các ô tương ứng.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Hồ sơ** | Không có poster, bài báo cáo và bài thuyết minh hoặc có nhưng không đủ 3 loại trên | Có đầy đủ poster, bài báo cáo và bài thuyết minh nhưng nội dung không rõ ràng, không thể hiện được thông tin của đề tài. | Có đầy đủ poster, bài báo cáo và bài thuyết minh. Nội dung rõ ràng, truyền tải được đầy đủ nội dung giúp người xem/đọc hiểu được đề tài nhưng trình bày đơn điệu, bố cục chưa hợp lí | Có đầy đủ poster, bài báo cáo và bài thuyết minh. Nội dung rõ ràng, truyền tải được đầy đủ nội dung giúp người xem/đọc hiểu được đề tài. Đúng cấu trúc, trình bày đẹp, sáng tạo. |
|  |  |  |  |
| **Sản phẩm thực nghiệm** | Không có sản phẩm thực nghiệm | Chỉ có 1 trong hai sản phẩm thực nghiệm. | Có đủ 2 sản phẩm thực nghiệm, sản phẩm có chất lượng và có thể dùng được nhưng trưng bày và mẫu mã không đẹp, không sáng tạo. | Có đủ từ 2 sản phẩm thực nghiệm trở lên, sản phẩm có chất lượng và có thể dùng được. Mẫu mã đẹp, trưng bày sáng tạo, độc, lạ. |
|  |  |  |  |
| **Thuyết trình** | Nói nhỏ, giao tiếp cứng nhắc, căng thẳng. Khi nói không nhìn và giao tiếp với người nghe bằng mắt. | Nói to, rõ ràng nhưng không làm rõ được nội dung hoặc không giao tiếp với người nghe bằng mắt. | Nói to, rõ ràng, làm rõ nội dung và có giao tiếp với người nghe bằng mắt nhưng không trả lời được hoặc chỉ trả lời được một phần các câu hỏi phản biện. | Nói to, rõ ràng chất giọng thu hút, giao tiếp với người nghe bằng mắt, gây được cảm tình với người nghe. Làm rõ nội dung, trả lời được các câu hỏi phản biện. |
|  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |

Sau khi báo cáo xong, thư kí của các nhóm tổng hợp tổng số ICON ở các mức 1,2,3,4 (không phân biệt TIM, MẶT CƯỜI hay MẶT MÉO) vào hàng cuối cùng và tính % và báo cáo.

Công thức tính như sau:

%Mức 1 =

%Mức 2 =

%Mức 3 =

%Mức 4 =

### **BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO**

**(Dùng cho giáo viên)**

***Tại các trạm, sau khi nghe học sinh báo cáo, Thầy Cô hãy đánh giá các tiêu chí HỒ SƠ; SẢN PHẨM THỰC NGHIỆM; THUYẾT TRÌNH tương ứng với mức độ đạt được bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong bảng ở mục II.***

**I. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Hồ sơ** | Không có poster, bài báo cáo và bài thuyết minh hoặc có nhưng không đủ 3 loại trên | Có đầy đủ poster, bài báo cáo và bài thuyết minh nhưng nội dung không rõ ràng, không thể hiện được thông tin của đề tài. | Có đầy đủ poster, bài báo cáo và bài thuyết minh. Nội dung rõ ràng, truyền tải được đầy đủ nội dung giúp người xem/đọc hiểu được đề tài nhưng trình bày đơn điệu, bố cục chưa hợp lí | Có đầy đủ poster, bài báo cáo và bài thuyết minh. Nội dung rõ ràng, truyền tải được đầy đủ nội dung giúp người xem/đọc hiểu được đề tài. Đúng cấu trúc, trình bày đẹp, sáng tạo. |
| **Sản phẩm thực nghiệm** | Không có sản phẩm thực nghiệm | Chỉ có 1 trong hai sản phẩm thực nghiệm. | Có đủ 2 sản phẩm thực nghiệm, sản phẩm có chất lượng và có thể dùng được nhưng trưng bày và mẫu mã không đẹp, không sáng tạo. | Có đủ từ 2 sản phẩm thực nghiệm trở lên, sản phẩm có chất lượng và có thể dùng được. Mẫu mã đẹp, trưng bày sáng tạo, độc, lạ. |
| **Thuyết trình** | Nói nhỏ, giao tiếp cứng nhắc, căng thẳng. Khi nói không nhìn và giao tiếp với người nghe bằng mắt. | Nói to, rõ ràng nhưng không làm rõ được nội dung hoặc không giao tiếp với người nghe bằng mắt. | Nói to, rõ ràng, làm rõ nội dung và có giao tiếp với người nghe bằng mắt nhưng không trả lời được hoặc chỉ trả lời được một phần các câu hỏi phản biện. | Nói to, rõ ràng chất giọng thu hút, giao tiếp với người nghe bằng mắt, gây được cảm tình với người nghe. Làm rõ nội dung, trả lời được các câu hỏi phản biện. |

**II. PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**Lớp: …**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NHÓM** | **Hồ sơ** | | | | **Sản phẩm thực nghiệm** | | | | **Thuyết trình** | | | |
| **Poster, báo cáo rõ ràng, đủ thông tin …** | | | | **Ngon, lạ, hợp vệ sinh, trưng bày bắt mắt …** | | | | **Rõ ràng, mạnh lạc, thuyết phụ, phong thái, giao tiếp mới người nghe bằng mắt…** | | | |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **1** | **2** | **3** | **4** | **1** | **2** | **3** | **4** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### **BÀI TẬP BÁM SÁT ANCOL**

**(Tùy vào năng lực từng lớp mà GV cắt ra thành đề nhỏ 10 câu hoặc 20 câu và chuyển giao trên Shub classroom cho học sinh làm)**

1. **TỰ LUẬN**
2. Hoàn thành các phương trình phản ứng sau:

1. …………………………………………………………..

2. **** …………………………………………………………..

3.  …………………………………………………………..

4.  …………………………………………………………..

5. …………………………………………………………..

6. **** …………………………………………………………..

7.  …………………………………………………………..

8.  …………………………………………………………..

9.  …………………………………………………………..

10. …………………………………………………………..

1. Viết CTCT và gọi tên thay thế các ancol đồng phân có công thức phân tử:

a. Các ancol đồng phân có CTPT C3H8O. b. Các ancol đồng phân có CTPT C4H10O.

........................................................................ ...............................................................................................

........................................................................ ...............................................................................................

........................................................................ ...............................................................................................

........................................................................ ...............................................................................................

1. Gọi tên các ancol sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÔNG THỨC CẤU TẠO** | **Tên thay thế** | **Tên thông thường** |
| CH3OH |  |  |
| C2H5OH |  |  |
| CH3CH2CH2OH |  |  |
| CH3CHOHCH3 |  |  |
|  |  |  |
| C2H4(OH)2 |  |  |
| C3H5(OH)3 |  |  |
|  |  |  |

1. **TRẮC NGHIỆM**
2. Định nghĩa-phân loại.
3. Chất nào sau đây là ancol?

**A**. CH3-CHO **B**. CH3-OH **C**. CH3COOH **D**. CH3-CO-CH3.

1. Chất nào sau đây không phải là ancol?

**A**. C2H5-OH **B**. CH2=CH-CH2-OH **C**. C6H5-CH2-OH **D**. CH3COOH

1. Chất nào sau đây là ancol no, đơn chức mạch hở?

**A**. C2H4(OH)2. **B**. C3H5(OH)3. **C**. C3H7OH **D**. C3H5OH

1. Chất nào sau đây là ancol no, mạch hở, hai chức?

**A**. C2H4(OH)2. **B**. C3H5(OH)3. **C**. C3H7OH **D**. C2H5OH

1. Chất nào sau đây là ancol no, mạch hở, ba chức?

**A**. C2H4(OH)2. **B**. C3H5(OH)3. **C**. C3H7OH **D**. C2H5OH

1. Dãy đồng đẳng của ancol etylic có công thức là

**A.** CnH2n+2O. **B.** ROH. **C.** CnH2n+1OH. **D.** CnH2n-1OH.

1. Ancol no, đơn chức mạch hở có công thức tổng quát là

**A**. CnH2n+2O **B**. CnH2nO **C**. CnH2n+2O2. **D**. CnH2nO2.

1. Ancol no, đơn chức mạch hở có 3 nguyên tử C có công thức phân tử là

**A**. C3H6O **B**. C3H8O **C**. C3H10O **D**. C3H4O

1. Ancol no, hai chức mạch hở có 2 nguyên tử C có công thức phân tử là

**A**. C2H6O **B**. C2H6O2. **C**. C2H4O **D**. C2H4O2.

1. Chất nào sau đây là ancol bậc 2?

**A**. C2H5-OH **B**. CH3-OH

**C**. CH3-CH­2-CH2-OH **D**. CH3-CH­OH-CH3.

1. **Đồng phân, danh pháp.**
2. C3H8O có bao nhiêu ancol đồng phân?

**A**. 1 **B**. 2 **C**. 3 **D**. 4

1. C4H10O có bao nhiêu ancol đồng phân?

**A**. 1 **B**. 2 **C**. 3 **D**. 4

1. Metanol (ancol metylic) có công là

**A.** C2H5OH. **B.** C2H4(OH)2. **C.** CH3OH. **D.** C3H5(OH)3.

1. Etanol (ancol etylic) có công là

**A.** C2H5OH. **B.** C2H4(OH)2. **C.** CH3OH. **D.** C3H5(OH)3.

1. Etylen glicol (etan-1,2-điol) có công là

**A.** C2H5OH. **B.** C2H4(OH)2. **C.** CH3OH. **D.** C3H5(OH)3.

1. Glixerol (propan-1,2,3-triol) có công là

**A.** C2H5OH. **B.** C2H4(OH)2. **C.** CH3OH. **D.** C3H5(OH)3.

1. Hợp chất CH3-CH2-CH2-OH có tên thay thế là

**A**. Ancol propylic **B**. Ancol etylic **C**. Propan-1-ol **D**. Propan-2-ol

1. Hợp chất CH3-CH2-CH2-OH có tên thông thường là

**A**. Ancol propylic **B**. Ancol etylic **C**. Propan-1-ol **D**. Propan-2-ol

1. Hợp chất CH3-CH­OH-CH3 có tên thay thế là

**A**. Ancol propylic **B**. Ancol etylic **C**. Propan-1-ol **D**. Propan-2-ol

1. Ancol benzylic có công thức là

**A**. C6H5-CH2OH **B**. C6H5-OH **C**. CH3OH **D**. CH2=CH-CH2OH

1. **Tính chất vật lí.**
2. Ancol nào sau đây có nhiệt độ sôi cao nhất?

**A**. Metanol **B**. Etanol **C**. Propan-1-ol **D**. Butan-1-ol

1. Chất nào sau đây có nhiệt độ sôi cao nhất

**A**. C2H6 **B**. C3H8 **C**. CH3OH **D**. C2H5OH

1. Chất nào sau đây có nhiệt độ sôi cao nhất

**A**. CH3-O-CH3 **B**. CH3-CHO **C**. CH3OH **D**. C2H5OH

1. Các ancol tan nhiều trong nước là do nguyên nhân nào sau đây?

**A**. Do ancol tác dụng được với nước. **B**. Do ancol tạo được liên kết hidro với nước.

**C**. Do ancol có tính háo nước. **D**. Do ancol tạo được liên kết cộng hóa trị với nước.

1. Các ancol có nhiệt độ sôi cao hơn các hidrocacbon có cùng phân tử khối là do

**A**. giữa các phân tử ancol có liên kết hidro **B**. trong phân tử ancol có liên kết hidro

**C**. giữa các phân tử ancol có liên kết cộng hóa trị **D**. trong các phân tử ancol có liên kết cộng hóa trị

1. Ancol etylic không có tính chất hóa học nào sau đây?

**A**. Phản ứng thế nguyên tử H ở nhóm -OH **B**. Phản ứng thế nhóm -OH

**C**. Phản ứng tách nước. **D**. Phản ứng cộng H2 (Ni, to).

1. **Tính chất hóa học**
2. Ancol etylic tác dụng với chất nào sau đây sinh ra khí H2?

**A**. Na **B**. HBr, to.

**C**. H2SO4 đặc, 140oC. **D**. H2SO4 đặc, 170oC.

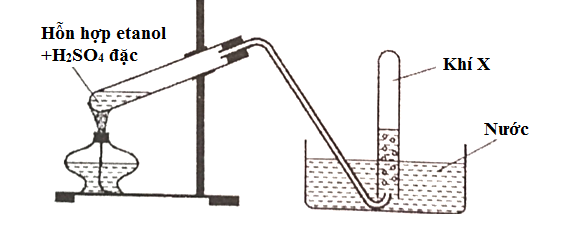
1. Ancol etylic **không** tác dụng với

**A.** HCl. **B.** NaOH. **C.** CuO. **D.** CH3OH.

1. Đun ancol etylic với H2SO4 đặc ở khoảng 170oC thu được khí nào sau đây?

**A**. H2. **B**. CH4. **C**. C2H4. **D**. C2H6.

1. Hình vẽ sau mô tả thí nghiệm điều chế khí X trong phòng thí nghiệm:



X là khí nào sau đây?

**A.** axetilen. **B.** metan. **C.** etilen. **D.** etan.

1. Chất nào sau đây hòa tan được Cu(OH)2 thành dung dịch màu xanh thẩm?

**A**. CH3OH **B**. C2H5OH **C**. C2H4(OH)2. **D**. C3H7OH.

1. Chất nào sau đây hòa tan được Cu(OH)2 thành dung dịch màu xanh thẩm?

**A**. CH3OH **B**. C2H5OH **C**. C3H5(OH)3. **D**. C3H7OH.

1. Glixerol không tác dụng được với chất nào sau đây?

**A.** KOH. **B.** Cu(OH)2. **C.** K. **D.** HBr.

1. Cho ancol etylic tác dụng lần lượt với: Na, NaOH, HBr, CH3OH, O2, CuO, Cu(OH)2. Số chất tham gia phản ứng là

**A.** 6. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

1. Cho sơ đồ phản ứng: CH3-OH + HBr X + H2O.

Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

**A**. CH3-Br **B**. CH3-CH2-Br **C**. CH3-OBr **D**. C2H4Br2.

1. Cho sơ đồ phản ứng: 2C2H5-OH X + H2O.

Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

**A**. C2H5-O-C2H5. **B**. CH3-O-C2H5. **C**. CH3-O-CH3. **D**. CH2=CH2.

1. Cho sơ đồ phản ứng: C2H5-OH + CuO X + Cu + H2O.

Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

**A**. C2H5-O-C2H5. **B**. CH3-CHO. **C**. CH3-O-CH3. **D**. CH2=CH2.

1. Cho sơ đồ phản ứng: CH3-OH + CuO X + Cu + H2O.

Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

**A**. H-CHO. **B**. CH3-CHO. **C**. CH3-O-CH3. **D**. CH2=CH2.

1. Chất nào sau đây làm mất màu dung dịch nước brom?

**A**. CH3-OH. **B**. C2H4(OH)2. **C**. CH2=CH-CH2-OH. **D**. C2H5-OH.

1. **Điều chế, ứng dụng.**
2. Ở những nước công nghiệp phát triển, etannol được tổng hợp từ chất X bằng cách cho X phản ứng với nước có xúc tác là H2SO4 hoặc H3PO4 ở nhiệt độ cao theo sơ đồ:

X + H2O CH3CH2OH.

X là chất nào sau đậy?

**A**. C2H4. **B**. C6H12O6. **C**. CH4. **D**. CaC2.

1. **Bài tập**
2. Khi cho 6,4 gam ancol metylic tác dụng với Na vừa đủ, thu được V lít H2 (đktc). Giá trị của V là

**A.** 2,24. **B.** 6,72. **C.** 1,12. **D.** 3,36.

1. Khi cho 9,2 gam glixerol tác dụng với Na vừa đủ, thu được V lít H2 (đktc). Giá trị của V là

**A.** 2,24. **B.** 6,72. **C.** 1,12. **D.** 3,36.

1. Khi cho 7,8 gam hỗn hợp X gồm ancol metylic và ancol etylic tác dụng với K vừa đủ, thu được 2,24 lít H2 (đktc). Phần trăm khối lượng của ancol etylic trong X là

**A.** 41,03%. **B.** 48,82%. **C.** 51,18%. **D.** 58,97%.

1. Đốt cháy hoàn toàn m gam ancol đơn chức X, thu được 6,6 gam CO2 và 3,6 gam H2O. Giá trị m là

**A.** 10,2. **B.** 2. **C.** 2,8. **D.** 3.

1. Đốt cháy một lượng ancol X cần vừa đủ 26,88 lít O2 (đktc), thu được 39,6 gam CO2 và 21,6 gam H2O. X có công thức phân tử là

**A.** C2H6O. **B.** C3H8O. **C.** C3H8O2. **D.** C4H10O.